■ 출입국관리법 시행규칙 [별지 제34호의6서식] <신설 2023. 12. 14.>

체류지 변경신고서
(ĐƠN XIN THAY ĐỔI NƠI LƯU TRÚ)

※ 신고서 작성은 한글 또는 영문으로 작성하시기 바랍니다. (Chú ý: Vui lòng viết tờ khai bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh)

성 명 (Họ Và Tên)					
성 별 (Giới Tính)	[ ]남 Nam [ ]여 Nữ	국 적 (Quốc Tịch)		연락처 (Số Điện hoại)	
외국인등록번호 (Số Thẻ Cư Trú Người Nước Ngoài)				-	
변경된 대한민국 내 주소 (Địa chỉ mới ở Hàn Quốc)					
거주 형태 (Hình thức cư trú)	[ ] 자 가(Nhà riêng) [ ] 전 · 월세(Nhà thuê trả trước dài hạng, hàng tháng) [ ] 그 밖의 형태 (Hình thức khác v...v..) ( )				

※ 가족 구성원 전체가 체류지 변경신고를 할 경우 소유자나 임차인 본인 외의 동반 가족은 거주형태를 '그 밖의 형태'로 표기
(Trong trường hợp toàn bộ thành viên trong gia đình khai báo thay đổi nơi cư trú, Ngoài chủ sở hữu hoặc người cho thuê, gia đình đồng hành chọn hình thức cư trú là 'Hình thức khác'.

신고일 (Ngày khai báo)		신고인 (Người khai báo)		(서명 또는 인) (Ký tên hoặc đóng mộc)

○○시 · 군 · 구 또는 읍 · 면 · 동의 장 귀하

(Gửi người thị trưởng ○○ / Quận -gun / Gu(Phường, Huyện) hoặc Eup(Chủ tịch xã) / Trưởng Myeon(ấp) / Tổ trưởng Dong(Tổ) và trưởng phòng các văn phòng chi nhánh của chính phủ trực thuộc địa phương)

첨부서류 (Các tài liệu mà người đăng ký phải nộp)	- 주민등록등본: 주민등록법에 따른 주민등록표에 기록된 외국인의 경우 (Bản đăng ký chứng minh nhân dân: Người nước ngoài được ghi chép trong phiếu đăng ký cư trú theo luật đăng ký cư trú) - 매매계약서, 임대차계약서, 기숙사 입주확인서, 숙소제공확인서, 주거확인서(난민신청자 등) (Hợp đồng mua bán bất động sản, hợp đồng thuê nhà, xác nhận chỗ ở trong ký túc xá, xác nhận cung cấp chỗ ở, xác nhận nhà ở (người xin tị nạn, v.v.) - 그 밖에 고시원 등의 숙박료 납입영수증 등 외국인이 그 주소지에 살고 있음을 확인할 수 있는 서류 (Các giấy tờ có thể xác nhận rằng người nước ngoài sống ở tại địa chỉ đó, chẳng hạn như biên lai thanh toán tiền trọ tại Go-si-won[nhà trọ dành cho sinh viên luyện thi], v.v.)

행정정보 공동이용 동의서(Đồng ý chia sẻ thông tin)

본인은 이 건 업무처리와 관련하여 담당 공무원이 「전자정부법」 제36조에 따른 행정정보의 공동이용을 통하여 위의 담당 공무원 확인 사항을 확인하는 것에 동의합니다. *동의하지 아니하는 경우에는 신청인이 직접 관련 서류를 제출해야 합니다.
Tôi đồng ý để cho nhân viên phụ trách vấn đề này xác nhận các vấn đề đã được nhân viên phụ trách xác nhận thông qua việc sử dụng chung thông tin hành chính theo Điều 36 của 「Luật Chính phủ Điện tử」.
*Nếu không đồng ý, người đăng ký phải tự nộp các giấy tờ liên quan.

신청인 (Người đăng ký)	(서명 또는 인) (Ký tên/Đóng mọc)	신청인의 배우자 (Vợ /Chồng của người đăng ký)	(서명 또는 인) (Ký tên/Đóng mọc)	신청인의 부 또는 모 (Bố /Mẹ của người đăng ký)	(서명 또는 인) (Ký tên/Đóng mọc)

위임장(Giấy ủy quyền)

위 체류지 변경신고를 아래 사람에게 위임합니다.
Nội dung khai báo thay đổi nơi lưu trú ở trên được ủy quyền cho người nộp đơn trên(người được nhận ủy quyền)

년 Năm 월 Tháng 일 Ngày 위임자 서명(Người ủy quyền ký tên):

위임받은 사람 (Người được ủy quyền)	성명 (Họ Và Tên)	생년월일 (Ngày tháng năm sinh)